

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST

Ngày: 11-6-2018.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Khon

2. Ông Nguyễn Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 5 và ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1977;

2. Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1980;

Cùng nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thanh V ủy quyền cho ông Trần Thanh P theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2018.

- Bị đơn: 1. Ông Trần Văn T1, sinh năm: 1970;

2. Bà Lê Thị Mộng L, sinh năm: 1974;

Cùng nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2017, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 15/01/2018, biên bản lấy lời khai anh Trần Thanh P ngày 12/4/2018, biên bản hòa giải ngày 12/3/2018 và ngày 12/4/2018 và trong quá trình xét xử:

*** Nguyên đơn anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V trình bày:** Vào năm 2015 ông T1, bà L có đến cửa hàng của anh chị vay tiền, việc ông T1, bà L vay tiền để làm gì

thì không biết. Khi vay tiền có làm hợp đồng, nội dung hợp đồng và biên nhận nhận tiền là do anh P soạn sẵn, ông T1 và bà L ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng, biên nhận, ký giao kết hợp đồng tại cửa hàng của ông P.

- Căn cứ Hợp đồng vay tiền số 12122015 ngày 12/12/2015 anh chị cho ông T1 vay số tiền gốc 7.500.000đ, lãi suất là 1%/tháng, thỏa thuận hàng tháng trả gốc lãi là 700.000đ, trả trong thời hạn 12 tháng đến tháng 12/2016 thì trả dứt nợ, tổng cộng gốc lãi là 8.400.000đ. Khi ký hợp đồng anh chị đã giao đủ số tiền vay cho ông T1 căn cứ vào biên nhận nhận tiền ngày 12/12/2015, sau đó ông T1 trả được 10 tháng với số tiền là 6.900.000đ, còn lại 02 tháng với số tiền là 1.500.000đ nhưng đến nay vẫn không trả cho anh chị.

- Căn cứ Hợp đồng vay tiền số 15102016 ngày 15/10/2016 anh chị có cho ông T1, bà L vay số tiền gốc là 12.540.000đ, lãi suất 2%/tháng, hình thức vay là trả gốc lãi hàng tháng mỗi tháng trả 1.295.000đ, thời hạn trả là 12 tháng, đến tháng 10/2017 thì trả dứt nợ, tổng cộng số tiền gốc lãi là 15.540.000đ. Sau khi ký hợp đồng thì anh chị đã giao đủ số tiền vay gốc cho ông T1, bà L là 12.540.000đ, căn cứ vào biên nhận nhận tiền ngày 15/10/2016. Từ khi vay cho đến nay ông T1 trả được 04 tháng $\times$ 1.295.000đ = 5.180.000đ, tháng 03/2017 chỉ trả được 600.000đ. Kể từ tháng 4/2017 đến nay ông T1, bà L không có trả nợ gốc lãi, nên ông T1 và bà L đã vi phạm hợp đồng đã ký, hiện nay ông T1, bà L còn nợ lại số tiền từ tháng 3/2017 là 695.000đ, tháng 4/2017 đến tháng 10/2017 là 7 tháng $\times$ 1.295.000đ = 9.065.000đ + 695.000đ (nợ tháng 3/2017) = 9.760.000đ. Tổng cộng hai hợp đồng nêu trên ông T1, bà L còn nợ anh chị số tiền là 11.260.000đ.

Nay anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V yêu cầu: Thống nhất giảm lãi suất 1%/tháng đối với hợp đồng vay tiền ngày 15/10/2016 yêu cầu ông T1, bà L trả lại số tiền vay gốc là 12.540.000đ, lãi là 1.504.800đ, khấu trừ số tiền ông T1, bà L đã trả là 5.780.000đ, yêu cầu ông T1, bà L trả lại số tiền còn nợ là 8.264.800đ và 1.500.000đ (theo hợp đồng số 12122015 ngày 12/12/2015), tổng cộng số tiền ông T1, bà L phải trả là 9.764.800đ.

Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Mộng L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1, bà L không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh P, chị V, cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông T1, bà L về việc yêu cầu khởi kiện của anh P, chị V.

Tại phiên tòa anh Trần Thanh P trình bày: Vào ngày 09/6/2018 ông T1 và bà L có trả thêm cho anh được số tiền 300.000đ, nên khấu trừ số tiền nợ 9.764.800đ, còn lại số tiền 9.464.800đ. Nay anh yêu cầu ông T1, bà L liên đới trả lại số tiền còn nợ là 9.464.800đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật,

riêng đối với bị đơn ông T1, bà L được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2 và quyết định đưa vụ án ra xét xử nên phải hoãn phiên tòa, như vậy bị đơn chưa thực hiện đúng Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P và chị V đối với ông T1, bà L trả khoản tiền vay còn nợ gốc là 9.464.800đ cho anh P, chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

- Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, ông T1, bà L hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp T2, xã T3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T1, bà Lê Thị Mộng L vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy ông T1, bà L đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng T1, bà L vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong hợp đồng vay tiền, tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, bà L là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 12/12/2015 và ngày 15/10/2016, anh P và chị V khởi kiện yêu cầu ông T1, bà L trả lại số vay còn nợ là 9.464.800đ, vì cho rằng ông T1, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, giao dịch này đã được thực hiện năm 2016, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Mộng L trả lại số tiền vay gốc, lãi là 9.464.800đ là có cơ sở chấp nhận, căn cứ vào hợp đồng vay tiền và biên nhận nhận tiền ngày 12/12/2015 và ngày 15/10/2016, việc anh P, chị V cho ông T1, bà L vay tiền là có thật đã xảy ra, ông T1, bà L đã nhận đủ tiền vay, nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận hợp đồng trả gốc lãi hàng tháng, từ khi vay cho đến nay ông T1, bà L chỉ trả được số tiền 6.080.000đ. Do vậy yêu cầu khởi kiện

của anh P, chị V là có cơ sở chấp nhận nên buộc ông T1, bà L trả lại số tiền vay gốc lãi còn nợ là 9.464.800đ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 468 BLDS năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Mộng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh P, chị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V đối với ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Mộng L.

Buộc ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Mộng L có trách nhiệm liên đới trả lại cho anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V số tiền vay còn nợ 9.464.800đ (*Chín triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm đồng*).

Khi anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Mộng L chưa thi hành xong số tiền nợ trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chưa thi hành xong.

2/ Về án phí:

- Ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Mộng L phải chịu 473.000đ (*Bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 361.000đ (*Ba trăm sáu mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số BO/2014- 02406 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ